PHỤ LỤC II. DANH MỤC CÂY XANH CẦN BẢO TỒN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1848 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Loại cây xanh	Địa điểm	Đường kính khoảng (cm)	Chiều cao vút ngọn khoảng (m)	Tuổi cây khoảng (năm)	Số lượng	Vị trí (Tọa độ VN2000)		Tình trạng quản lý	Ghi chú
							X	Y		
	TỔNG CỘNG					**1.171**				
1		**XÃ THẤT KHÊ**				**9**				
1	Cây Đa	Thôn Chi Lăng	90	30	100	1	418635	2468749	Thôn quản lý	
2	Cây đa	Thôn Chi Lăng	80	30	80	1	418615	2463752	Thôn quản lý	
3	Cây Gạo	Thôn Chi Lăng	60	40	60	1	418163	2464459	Thôn quản lý	
4	Cây gạo	Thôn Chi Lăng	70	40	70	1	418469	2464460	Thôn quản lý	
5	Cây Sung	Thôn Chi Lăng	100	30	50	1	418078	2466038	Hộ Gia đình quản lý	
6	Cây Gạo	Thôn Nà Nghiều	100	35	100	1	419488	2462935	Thôn quản lý	
7	Cây Đa	Thôn Chi Lăng	80	30	100	1	418120	2463449	Thôn quản lý	
8	Cây Sung	Thôn 3	80	25	150	1	419780	2461967	Thôn quản lý	
9	Cây Dã Hương	Trụ sở UBND xã	100	20	50	1	419267	2462330	Xã quản lý	
2		**XÃ TRÀNG ĐỊNH**				**4**				
1	Cây đa	Thôn Quyền A (Quyền A1 cũ)	80	25	> 50	1	421324009	2458038561	Thôn quản lý	
2	Cây đa	Thôn Quyền A (Quyền A2 cũ)	86	30	> 50	1	421762877	2457142580	Thôn quản lý	
3	Cây đa	Thôn Hùng Sơn (Thâm Luông cũ)	90	30	> 50	1	419570359	2460537398	Thôn quản lý	
4	Cây đa	Thôn Nà Chùa	54	20	> 50	1	420433220	2460121231	Thôn quản lý	
3		**XÃ QUỐC KHÁNH**				**37**				
1	Cây Đa	Xóm Đông Bắc, thôn Đông Bắc	250	30	120	1	424931	2463838	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Sấu	Xóm Nà Đon, thôn Đông Bắc	130	50	80	1	426797	2465541	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây Sấu	Xóm Nà Đon, thôn Đông Bắc	100	45	60	1	426797	2465500	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Đa	Xóm Bản Chang, thôn Đội Cấn	200	30	120	1	427144	2466492	Thôn quản lý bảo vệ	
5	Cây đa	Xóm Kim Ly, thôn Đội Cấn	100	30	140	1	426980	2466990	Thôn quản lý bảo vệ	
6	Cây đa	Xóm Kim Ly, thôn Đội Cấn	150	30	150	1	426991	2466994	Thôn quản lý bảo vệ	
7	Cây đa	Xóm Kim Ly, thôn Đội Cấn	250	25	100	1	426921	2467344	Thôn quản lý bảo vệ	
8	Cây Gạo	Xóm Bản Dì, thôn Nà Nưa	100	35	100	1	428005	2479509	Thôn quản lý bảo vệ	
9	Cây Gạo	Xóm Bản Dì, thôn Nà Nưa	150	35	150	1	428000	2479510	Thôn quản lý bảo vệ	
10	Cây Gạo	Xóm Nà Nưa, thôn Nà Nưa	100	30	100	1	430369	2475479	Thôn quản lý bảo vệ	

11	Cây đa	Xóm Lũng Tòng, thôn Bản Phạc	150	25	100	1	427262	2474752	Thôn quản lý bảo vệ	
12	Cây Sau Sau	Xóm Pò Chạng, thôn An Khuyến	100	35	150	1	426366	2474598	Thôn quản lý bảo vệ	
13	Cây đa	Xóm Pò Chủ, thôn Cao Lan	200	35	200	1	425256	2474739	Thôn quản lý bảo vệ	
14	Cây Sau sau	Xóm Pò Cheng, thôn Cao Lan	80	35	100	1	424338	2474789	Thôn quản lý bảo vệ	
15	Cây Nghiến	Xóm Bản Tồn, thôn Cao Lan	130	40	150	1	422704	2473759	Thôn quản lý bảo vệ	
16	Cây Sau Sau	Xóm Thâm Ho, thôn Cao Lan	80	30	80	1	423850	2473720	Thôn quản lý bảo vệ	
17	Cây Đa	Xóm Thâm Ho, thôn Cao Lan	200	35	150	1	424143	2473567	Thôn quản lý bảo vệ	
18	Cây Gạo	Xóm Thâm Ho, thôn Cao Lan	60	40	80	1	423335	2473987	Thôn quản lý bảo vệ	
19	Cây Sau sau	Xóm Pò Chả, thôn Nà Pàn	80	35	100	1	425047	2474440	Thôn quản lý bảo vệ	
20	Cây đa	Xóm Nà Pàn, thôn Nà Pàn	300	35	250	1	424512	2475581	Thôn quản lý bảo vệ	
21	Cây Nghiến	Xóm Nà Cọn, thôn Nà Pàn	100	35	100	1	424073	2476343	Thôn quản lý bảo vệ	
22	Cây Sau sau	Xóm Nà Cọn, thôn Nà Pàn	60	40	100	1	423831	2476311	Thôn quản lý bảo vệ	
23	Cây Gạo	Xóm Phai Sào, thôn Long Thịnh	250	40	150	1	423970	2472088	Thôn quản lý bảo vệ	
24	Cây Gạo	Xóm Bản SLọc, thôn Mậu Đốt	250	40	150	1	423870	2470805	Thôn quản lý bảo vệ	
25	Cây đa	Xóm Thâm Pàng, thôn Mậu Đốt	300	35	200	1	424626	2478472	Thôn quản lý bảo vệ	
26	Cây đa	Xóm Khòn Tẩư, thôn Mậu Đốt	200	30	120	1	424134	2470522	Thôn quản lý bảo vệ	
27	Cây Gạo	Xóm Khòn Tẩư, thôn Mậu Đốt	150	40	100	1	424645	2470740	Thôn quản lý bảo vệ	
28	Cây đa	Xóm Pò Bao, thôn Mậu Đốt	300	35	200	1	424649	2470741	Thôn quản lý bảo vệ	
29	Cây Gạo	Xóm Pò Chiêm, thôn Mậu Đốt	100	40	100	1	424733	2470784	Thôn quản lý bảo vệ	
30	Cây đa	Xóm Kéo Quân, thôn Tri Phương	300	40	200	1	422544	2468995	Thôn quản lý bảo vệ	
31	Cây Nghiến	Xóm B2, thôn Tri Phương	150	35	180	1	421893	2467320	Thôn quản lý bảo vệ	
32	Cây Sấu	Xóm B2, thôn Tri Phương	120	30	100	1	422063	2467586	Thôn quản lý bảo vệ	
33	Cây Đa	Xóm B2, thôn Tri Phương	200	35	100	1	422683	2467765	Thôn quản lý bảo vệ	
34	Cây đa	Xóm Tàng Chang, thôn Phi Mỹ	300	35	250	1	423016	2467859	Thôn quản lý bảo vệ	
35	Cây Đa	Xóm Nà Ván, thôn Nà Ván	250	30	150	1	420435	2467816	Thôn quản lý bảo vệ	
36	Cây Đa	Xóm Bản Phạc, thôn Nà Ván	200	30	80	1	420245	2467539	Thôn quản lý bảo vệ	
37	Cây Gạo	Thôn Lũng SLàng	120	40	100	1	418768	2472899	Thôn quản lý bảo vệ	
4		**XÃ KHÁNG CHIẾN**				**4**				
1	Cây đa	Thôn Bản Trại	200	30	100	1	22220359	106503192	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây mạy cọong	Thôn Hoà Bình	500	40	100	1	22230910	106534230	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây đa	Thôn Bản Nằm	100	23	100	1	22219957	106519202	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây mác đẩn	Thôn Pác Pàu	100	25	100	1	22254147	106608066	Thôn quản lý bảo vệ	
5		**XÃ TÂN VĂN**				**10**				
1	Cây Dã Hương	Thôn Nà Vước	120	30-35	200	2	21913248	106417576	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Đa	Thôn Nà Vước	110	25-30	200	1	21912895	106417649	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây thông	Thôn Nà Đồng	150	30	300 - 350	5	21897107	106435485	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Nghiến	Thôn Nà Vước	160	17	Không xác định	1	413886	2423246	Thôn quản lý bảo vệ	

5	Cây Nghiến	Thôn Nà Vước	144	20	Không xác định	1	413606	2423253	Thôn quản lý bảo vệ	
6		**XÃ BÌNH GIA**				**21**				
1	Cây Nghiến	Thôn Tân Yên	50	30	Không xác định	10	412194;412200; 412215;412240; 412243;412219; 412175;412161; 412171	2426776;2426785;2426786;2426745;2426745;2426760;2426798; 2426804;2426800	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Nghiến	Thôn Tân Yên	40	30	Không xác định	5	412236;412233; 412230;412229; 412230	2426738;2426735;2426731;2426750;2426747	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây Nghiến	Thôn Tân Yên	33	30	Không xác định	1	412212	2426784	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Nghiến	Thôn Tân Yên	60	30	Không xác định	1	412214	2426762	Thôn quản lý bảo vệ	
5	Cây Nghiến	Thôn Tân Yên	70	30	Không xác định	2	412161	2426804	Thôn quản lý bảo vệ	
6	Cây Nghiến	Thôn Tân Yên	80	30	Không xác định	1	412196	2426805	Thôn quản lý bảo vệ	
7	Cây Nghiến	Thôn Tân Yên	90	30	Không xác định	1	412188	2426773	Thôn quản lý bảo vệ	
7		**XÃ HỒNG PHONG**				**13**				
1	Cây Nhội	Phiên Nưa, xóm Nà Nưa, thôn Bản Tiến.	110cm	45m	> 150 năm	1	21988249	106436734	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
2	Cây Đa	Khum Hâu, xóm Khối Ô, thôn Bản Tiến.	190cm	45m	> 200 năm	1	22031083	106407556	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
3	Cây Đa	Xóm Chang Khuyên, thôn Bản Tiến.	300m	45m	> 100 năm	1	22047884	106412241	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
4	Cây Đa	Nặm Slim, xóm Nhất Tiến, Thôn Nà Mạ.	200cm	45m	> 150 năm	1	22072923	106400172	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
5	Cây Trám đen	Nà Khoai, xóm Thống Nhất, thôn Văn Can.	65cm	40m	> 100 năm	1	22061400	106410261	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
6	Cây Đa	Nà Khoai, xóm Thống Nhất, thôn Văn Can.	300m	40m	> 200 năm	1	22056811	106434462	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
7	Cây Đa	Đầu làng xóm Khuổi Khuy, thôn Vằng Phya.	400cm	45m	> 200 năm	1	22114585	106400267	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
8	Cây Đa	Xóm Kéo Điểm thôn Vằng Phya.	160cm	30m	> 100 năm	1	22121166	106457236	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
9	Cây Đa	Bến đò Văn Mịch, thôn Văn Mịch.	150cm	30m	> 100 năm	**2**	22091371	106390537	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
10	Cây Đa	Pắc Khuổi, Thôn Đoàn Kết.	100cm	30m	> 100 năm	1	22092746	106412676	Hộ gia đình Mỗ Văn Dương	

11	Cây Đa	Pắc Khuổi, Thôn Đoàn Kết.	150cm	35m	> 100 năm	1	22095013	106413425	Hộ gia đình Mỗ Văn Chiều	
12	Cây Đa	Pắc Khuổi, Thôn Đoàn Kết.	400cm	45m	> 200 năm	1	22095091	106395117	Cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ	
8		**XÃ THIỆN HOÀ**				**12**				
1	Cây nghiến	Thôn Lân Luông	70	18	80	11	614735	2440670	Cộng đồng dân cư Thôn Lân Luông quản lý bảo vệ	
2	Cây nghiến	Thôn Lân Luông	80	19	80	1	614705	2440698	Cộng đồng dân cư Thôn Lân Luông quản lý bảo vệ	
9		**XÃ THIỆN THUẬT**				**12**				
1	Cây Trám	Thôn Bản Chúc	120	35	>100	1	22015341	106285442	Thôn quản lý, gắn đình làng	
2	Cây Lát	Thôn Bản Chúc	70	25	>50	1	22002898	106306782	Thôn quản lý, gắn đình làng	
3	Cây Gạo	Thôn Bản Chúc	80	25	>80	1	22022652	106287201	Thôn quản lý, gắn miếu làng	
4	Cây Gạo	Thôn Pác Khuông	100	30	>100	1	2200404	10615093	Thôn quản lý	
5	Cây Gạo	Thôn Pác Khuông	100	30	>100	1	22011402	106268399	Thôn quản lý	
6	Cây Sau Sau	Thôn Pác Khuông	200	40	>100	1	22014906	106222245	Thôn quản lý, gắn đình làng	
7	Cây Chò Chỉ	Thôn Bản Quần	200	50	>300	3	22041463	106347048	Quản lý tập thể thôn, gần đình làng	
8	Cây Sau Sau	Thôn Đình Cam	100	35	>150	1	22079797	106332638	Thôn quản lý, gắn đình làng	
9	Cây Gạo	Thôn Đình Cam	80	30	>150	1	22079797	106332638	Thôn quản lý, gắn đình làng	
10	Cây Trám	Thôn Đình Cam	60	15	>60	1	22071157	106333302	Thôn quản lý, gắn đình làng	
10		**XÃ THIỆN LONG**				**4**				
1	Cây đa	Thôn Tổng Nộc	200	30	70	1	2199696	10613348	Cộng đồng DC thôn	
2	Cây đa	Thôn Tổng Nộc	200	35	80	1	2200078	10612246	Cộng đồng DC thôn	
3	Cây gạo	Thôn Tổng Nộc	150	30	80	1	2201818	10612623	Cộng đồng DC thôn	
4	Cây tùng	Thôn Tổng Nộc	150	30	80	1	2200353	10612575	Cộng đồng DC thôn	
11		**XÃ BẮC SƠN**				**1**				
1	Cây Hoàng đàn	Khuôn viên trụ sở Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Sơn *(địa chỉ: thôn Vĩnh Thuận, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn).*	6	3,5	8	1	402664	2423281	Đơn vị đang quản lý	
12		**XÃ HƯNG VŨ**				**30**				
1	Cây đa	Thôn Làng Gà 1	150	32	120	1	407066	2411349	Cộng đồng DC thôn	
2	Cây Đa	Thôn Làng Gà 2	150	30	100	1	407578	2411322	Cộng đồng DC thôn	

3	Cây gạo	Thôn Làng Gà 2	120	35	90	1	407569	2411286	Cộng đồng DC thôn	
4	Cây đa	Thôn Làng Huyền	150 – 200	25-30	80-120	2	407324	2415091	Cộng đồng DC thôn	
5	Cây Gạo	Thôn Làng Huyền	100	30	>100	1	407325	2415092	Cộng đồng DC thôn	
6	Cây đa	Thôn Làng Mỏ	145	30	165	1	408050	2411645	Cộng đồng DC thôn	
7	Cây Đa	Thôn Nà Nuầy	145	30	130	1	404394	2415252	Cộng đồng DC thôn	
8	Cây Đa	Thôn Nông Lục	100-150	25-30	100-155	2	408025	2418328	Cộng đồng DC thôn	
9	Cây Đa	Thôn Xuân Giao	150	25	130	1	407622	2417697	Cộng đồng DC thôn	
10	Cây Đa	Thôn Minh Đán	150	25	120	1	408070	2417315	Cộng đồng DC thôn	
11	Cây Đa	Thôn An Ninh	145	26	130	1	406199	2415045	Cộng đồng DC thôn	
12	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407802	2411931	Cộng đồng DC thôn	
13	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407800	2411933	Cộng đồng DC thôn	
14	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407810	2411939	Cộng đồng DC thôn	
15	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407814	2411950	Cộng đồng DC thôn	
16	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407822	2411942	Cộng đồng DC thôn	
17	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407815	2411949	Cộng đồng DC thôn	
18	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407825	2411944	Cộng đồng DC thôn	
19	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407794	2411961	Cộng đồng DC thôn	
20	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407813	2411960	Cộng đồng DC thôn	
21	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407799	2411974	Cộng đồng DC thôn	
22	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407849	2411963	Cộng đồng DC thôn	
23	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407835	2411954	Cộng đồng DC thôn	
24	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407812	2411986	Cộng đồng DC thôn	
25	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407823	2411982	Cộng đồng DC thôn	
25	Cây Nghiến	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407836	2411988	Cộng đồng DC thôn	
26	Cây Lý	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407845	2411955	Cộng đồng DC thôn	
27	Cây Đa	Thôn Làng Mỏ	60-80	25-30	>100	1	407848	2411962	Cộng đồng DC thôn	
13		**XÃ VŨ LĂNG**				**10**				
1	Cây Nghiến	Khuôn viên Trạm Kiểm lâm Mỏ Rẹ, trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Sơn *(địa chỉ: thôn Chàng Sơn, xã Vũ Lăng, tỉnh Lạng Sơn)*	18	10	15-16	1	401721	2414418	Đơn vị đang quản lý	
2	Cây đa	Thôn Tân Lập, xã Vũ Lăng	150	40	90-100	1	400879	2421547	Cộng đồng DC thôn	
3	Cây đa	Thôn Tân Lập, xã Vũ Lăng	120	45	70-80	1	400156	2420753	Cộng đồng DC thôn	
4	Cây đa	Thôn Tân Lập, xã Vũ Lăng	130	45	70-80	1	398397	2421433	Cộng đồng DC thôn	
5	Cây đa	Thôn Nà Nâm, xã Vũ Lăng	150	45	100-105	1	398332	2419230	Cộng đồng DC thôn	
6	Cây đa	Thôn Nà Nâm, xã Vũ Lăng	150	35	100-105	1	399404	2418535	Cộng đồng DC thôn	
7	Cây đa	Thôn Bình Thượng, xã Vũ Lăng	150 – 200	45	100-110	1	403923	2418591	Cộng đồng DC thôn	
8	Cây đa	Thôn Bình Hạ, xã Vũ Lăng	150 – 200	45	100-110	1	405222	2418640	Cộng đồng DC thôn	

9	Cây đa	Thôn Thanh Yên, xã Vũ Lăng	150	45	90-100	1	404420	2415211	Cộng đồng DC thôn	
10	Cây Thông	Thôn Tràng Sơn, xã Vũ Lăng	150	40	90-100	1	399883	2415720	Cộng đồng DC thôn	
14		**XÃ NHẤT HOÀ**				**15**				
1	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395474	2409453	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
2	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395515	2409454	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
3	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395539	2409461	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
4	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395495	2409495	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
5	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395149	2409507	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
6	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395160	2409539	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
7	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395133	2409540	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
8	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395085	2409543	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
9	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395011	2409525	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
10	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	394973	2409502	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
11	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395296	2409895	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
12	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395295	2409917	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
13	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395337	2409908	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
14	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395271	2409945	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
15	Cây Nghiến	Thôn Làng An, xã Nhất Hòa	50-100	25-30	>100	1	395301	2409962	Chưa giao thôn tự quản lý bảo vệ	
15		**XÃ VŨ LỄ**				**4**				
1	Cây Sưa	Khuôn viên Trạm Kiểm lâm Vũ Lễ, trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Sơn *(địa chỉ: thôn Quang Thái, xã Vũ Lễ, tỉnh Lạng Sơn)*	4	3,5	6	2	385028	2409834	Đơn vị đang quản lý	
2	Cây đa	Thôn Nà Tân	200	40	> 100	1	395000	2419999	Cộng đồng DC thôn	
3	Cây đa	Thôn Chiến Thắng	150	40	42	1	391675	2415760	Cộng đồng DC thôn	
16		**XÃ TÂN TRI**				**6**				
1	Cây đa	Trường THCS Tân Tri (Thôn Tân Tri)	150	40	> 50	1	386193	2417962	Trường THCS Tân Tri	

2	Cây đa	Trường Tiểu học Tân Tri (Thôn Tân Tri)	150	40	> 50	1	386228	2418009	Trường Tiểu học Tân Tri	
3	Cây đa	Thôn Tân Tri	200	50	> 50	1	386904	2416170	UBND xã	
4	Cây đa	Thôn Thâm Xi	200	50	> 50	1	381876	2413965	UBND xã	
5	Cây đa	Thôn Tân Tri	150	45	> 50	1	387819	2416922	UBND xã	
6	Cây Đinh	Thôn Khau Bao	50	35	> 50	1	391021	2421065	Hộ gia đình quản lý	
17		**XÃ VĂN QUAN**				**14**				
1	Cây Nghiến	Thôn Hà Quảng	130	2 0	150	1	427179	2422805	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Nghiến	Thôn Hà Quảng	120	18	300	1	425364	2396512	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây Gạo	Thôn Đức Hinh	80	20	> 50	1	425854	2418544	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Gạo	Thôn Nà Lộc	70	18	> 50	1	431943	2421748	Thôn quản lý bảo vệ	
5	Cây Gạo	Thôn Nà Lộc	70	18	> 50	1	431943	2421748	Thôn quản lý bảo vệ	
6	Cây Đa	Thôn Tu Đồn	80	18	> 50	1	424477	2418769	Thôn quản lý bảo vệ	
7	Cây Đa	Thôn Đức Hinh	80	20	> 50	1	425645	2418524	Thôn quản lý bảo vệ	
8	Cây Gạo	Thôn Tú Xuyên	100	20	> 50	1	422640	2416941	Thôn quản lý bảo vệ	
9	Cây Trám	Thôn Tú Xuyên	70	17	> 50	1	423030	2415991	Thôn quản lý bảo vệ	
10	Cây Gạo	Thôn Tú Xuyên	50	15	> 50	1	421451	2416172	Thôn quản lý bảo vệ	
11	Cây Gạo	Thôn Bản Riềng	60	16	> 50	1	420396	2415600	Thôn quản lý bảo vệ	
12	Cây Đa	Thôn Hà Quảng	2	20	300	1	427052	2421602	Thôn quản lý bảo vệ	
13	Cây Tùng La Hán (bên trái cụ tri)	Thôn Đức Tâm	26	3,5	50	1	426347	2418574	UBND xã Quản lý	
14	Cây Tùng La Hán (bên phải cụ tri)	Thôn Đức Tâm	26	3,5	50	1	426386	2418598	UBND xã Quản lý	
18		**XÃ ĐIỀM HE**				**6**				
1	Cây Gạo	Phố Điềm He 2	150	30	150	1	432768	2421749	Cộng đồng dân cư thôn	
2	Cây Gạo	Phố Điềm He 2	150	30	150	1	433014	2421064	Cộng đồng dân cư thôn	
3	Cây Gạo	Phố Điềm He 1	120	30	150	1	432551	2421887	Cộng đồng dân cư thôn	
4	Cây Đa	Thôn Khòn Cải	130	8	100	1	429007	242336	Cộng đồng dân cư thôn	
5	Cây Gạo	Thôn Khòn Cải	130	10	100	1	428866	2424734	Cộng đồng dân cư thôn	
6	Cây Gạo	Thôn Nà Me	100	15	100	1	427652	2429097	Cộng đồng dân cư thôn	
19		**XÃ YÊN PHÚC**				**32**				
1	Cây Đa	Thôn Tân Tiến	130	10	>100	1	428512	2416146	Cộng đồng dân cư thôn	
2	Cây Đa	Thôn Tân Tiến	150	10	>100	1	429668	2415406	Cộng đồng dân cư thôn	

3	Cây Gạo	Thôn Quang Bí	90	13	>50	1	429676	2415434	Cộng đồng dân cư thôn	
4	Cây Đa	Thôn Quang Bí	130	10	>100	1	431547	2418021	Cộng đồng dân cư thôn	
5	Cây Sâu sâu	Thôn Khòn Mới	150	12	>100	1	424770	2409284	Cộng đồng dân cư thôn	
6	Cây Mạy làn	Thôn Xuân Mai	140	11	>100	1	425152	2415160	Cộng đồng dân cư thôn	
7	Cây Sha linh	Thôn Xuân Mai	130	10	>100	1	425701	2415498	Cộng đồng dân cư thôn	
8	Cây Nhội	Thôn Xuân Mai	140	12	>100	1	425493	2415198	Cộng đồng dân cư thôn	
9	Cây Nhội	Thôn Khòn Mới	150	13	>100	1	425723	2410003	Cộng đồng dân cư thôn	
10	Cây Nhội	Thôn Xuân Mai	130	11	>100	1	425842	2413633	Cộng đồng dân cư thôn	
11	Cây Sung	Thôn Bình Phúc	180	13	>100	1	426077	2410615	Cộng đồng dân cư thôn	
12	Cây Đa	Thôn Bản Cướm	130	12	>100	1	427707	2411988	Cộng đồng dân cư thôn	
13	Cây Gạo	Thôn Bản Cướm	130	12	>100	1	427773	2412657	Cộng đồng dân cư thôn	
14	Cây Đa	Thôn Bình Phúc	160	10	>100	1	425984	2411443	Cộng đồng dân cư thôn	
15	Cây Đa	Thôn Bắc	150	18	>100	1	426594	2410268	Cộng đồng dân cư thôn	
16	Cây Gạo	Thôn Bắc	70-80	20	>70	1	428021	2410378	Cộng đồng dân cư thôn	
17	Cây Gạo	Thôn Bắc	70-81	20	>70	1	427997	2410189	Cộng đồng dân cư thôn	
18	Cây Gạo	Thôn Tây A	90	18	>70	1	424478	2408429	Cộng đồng dân cư thôn	
19	Cây Đa	Thôn Tây B	100-120	18-20	>100	1	423777	2408222	Cộng đồng dân cư thôn	
20	Cây Đa	Thôn Tây B	100-120	18-20	>100	1	423352	2408216	Cộng đồng dân cư thôn	
21	Cây Gạo	Thôn Tây B	90	20	>70	1	423620	2407881	Cộng đồng dân cư thôn	
22	Cây Gạo	Thôn Trung	80	20	>70	1	426404	2409686	Cộng đồng dân cư thôn	
23	Cây Sau sau	Thôn Trung	70	15	>70	1	425691	2409251	Cộng đồng dân cư thôn	
24	Cây Đa	Thôn Bắc	150	18	>100	1	426594	2410268	Cộng đồng dân cư thôn	

25	Cây Gạo	Thôn Bắc	70-80	20	>70	1	428021	2410378	Cộng đồng dân cư thôn	
26	Cây Gạo	Thôn Bắc	70-81	20	>70	1	427997	2410189	Cộng đồng dân cư thôn	
27	Cây Gạo	Thôn Tây A	90	18	>70	1	424478	2408429	Cộng đồng dân cư thôn	
28	Cây Đa	Thôn Tây B	100-120	18-20	>100	1	423777	2408222	Cộng đồng dân cư thôn	
29	Cây Đa	Thôn Tây B	100-120	18-20	>100	1	423352	2408216	Cộng đồng dân cư thôn	
30	Cây Gạo	Thôn Tây B	90	20	>70	1	423620	2407881	Cộng đồng dân cư thôn	
31	Cây Gạo	Thôn Trung	80	20	>70	1	426404	2409686	Cộng đồng dân cư thôn	
32	Cây Sau sau	Thôn Trung	70	15	>70	1	425691	2409251	Cộng đồng dân cư thôn	
20		**XÃ TRI LỄ**				**9**				
1	Cây Xi	Thôn Bản Rượi	90-130	30	>100	1	416323	2406041	Cộng đồng dân cư thôn	
2	Cây Xi	Thôn Bản Só (Thôn Nà Lùng (cũ)	90-130	30	>100	1	414770	2404132	Cộng đồng dân cư thôn	
3	Cây Sấu	Thôn Bản Chặng	90-100	30	>100	1	416323	2406041	Cộng đồng dân cư thôn	
4	Cây Sau sau	Thôn Bản Chặng	80-100	30	>100	1	415737	2406229	Cộng đồng dân cư thôn	
5	Cây Mạy phát	Thôn Bản Chặng	80-100	30	100-150	1	415608	2405942	Cộng đồng dân cư thôn	
6	Cây Đa	Thôn Bản Téng	50	24	>300	1	417380	2418570	Cộng đồng dân cư thôn	
7	Cây Gạo	Thôn Pá Hà	60	27	>100	1	414689	2413570	Cộng đồng dân cư thôn	
8	Mạy Phát	Thôn Pá Hà (Thôn Bản Kình (cũ)	51	18	>100	1	415225	2415731	Cộng đồng dân cư thôn	
9	Cây Gạo	Thôn Nà Thang	120-150	30	100-150	1	417238	2414554	Cộng đồng dân cư thôn	
21		**XÃ TÂN ĐOÀN**				**4**				
1	Cây Đa	Còn Riềng	200	25	≥100	1	214735	1063639	Cộng đồng dân cư thôn	
2	Cây Đa	Còn Riềng	200	25	≥100	1	214738	1063642	Cộng đồng dân cư thôn	
3	Cây Đa	Phai Làng	200	25	≥100	1	214712	1063615	Cộng đồng dân cư thôn	
4	Cây Sấu	Thôn Lùng Pá - Bản Nằng	200	30	≥500	1	214853	1063718	Cộng đồng dân cư thôn	

22		**XÃ KHÁNH KHÊ**				**78**				
1	Cây Đa	Thôn Bình Trung	160 -180; 70-80	70 - 80; 60-65	140 - 160; 70-80	2	438978	2424456	Thôn quản lý	
2	Cây Đa	Thôn Đồng Văn	200 - 250	50 - 80	100 - 200	3	442933	2417933	Thôn quản lý	
3	Cây Đa	Thôn Nà Bản	200 - 250	50 - 80	100 - 200	1	444066	2416703	Thôn quản lý	
4	Cây Đa	Thôn Long Thượng	160 -180	50 - 80	100 - 200	1	440066	2412809	Thôn quản lý	
5	Cây Đa	Thôn Long Quế	160 -180	50 - 80	100 - 200	1	441844	2415395	Thôn quản lý	
6	Cây Gạo	Thôn Bản Khính	80-100	40-45	90-95	1	437544	2420312	Thôn quản lý	
7	Cây nghiến	Thôn Đồng Phú	160 -180	50	150 - 180	2	436499	2430910	Thôn quản lý	
8	Cây Sấu	Thôn Đồng Phú	70	15	50	1	435603	2420485	Hộ gia đình quản lý	
9	Cây Sấu	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	55	15	52	1	438796	2418922	Hộ gia đình quản lý	
10	Cây Sấu	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	50	15	55	1	438167	2419100	Hộ gia đình quản lý	
11	Cây Sấu	Tỷ Lườn, thôn Thanh Sơn	55	17	55	1	437896	2418911	Hộ gia đình quản lý	
12	Cây Trám đen	Ngạo Mồ, thôn Bản Khính	60	20	60	1	437704	2419747	Hộ gia đình quản lý	
13	Cây Trám đen	Ngạo Mồ, thôn Bản Khính	55	20	50	1	437694	2419734	Hộ gia đình quản lý	
14	Cây Trám đen	Pác Kéo, thôn Bản Khính	60	20	60	1	438260	2420027	Hộ gia đình quản lý	
15	Cây Trám đen	Tềnh Bó, thôn Bản Khính	50	15	55	1	437983	2419978	Hộ gia đình quản lý	
16	Cây Trám đen	Pá Pàu, thôn Bản Khính	55	15	60	1	438200	2420010	Hộ gia đình quản lý	
17	Cây Trám đen	Pá Mạc, thôn Bản Khính	65	20	60	1	437491	2419505	Hộ gia đình quản lý	
18	Cây Trám đen	Cốc Ca, thôn Thanh Sơn	70	25	70	1	438528	2419802	Hộ gia đình quản lý	
19	Cây Trám đen	Cốc Ca, thôn Thanh Sơn	65	25	60	1	438486	2419735	Hộ gia đình quản lý	
20	Cây Trám đen	Cốc Ca, thôn Thanh Sơn	60	20	70	1	438376	2419781	Hộ gia đình quản lý	
21	Cây Trám đen	Khun Nà, thôn Thanh Sơn	60	15	55	1	438246	2418670	Hộ gia đình quản lý	
22	Cây Trám đen	Khun Nà, thôn Thanh Sơn	50	15	50	1	438343	2418627	Hộ gia đình quản lý	
23	Cây Trám đen	Lặp Nà, thôn Thanh Sơn	60	20	60	1	438041	2418392	Hộ gia đình quản lý	
24	Cây Trám đen	Lặp Nà, thôn Thanh Sơn	50	15	60	1	437919	2418154	Hộ gia đình quản lý	
25	Cây Trám đen	Cốc Mìn, thôn Thanh Sơn	70	25	70	1	438027	2418616	Hộ gia đình quản lý	
26	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	60	20	65	1	438469	2419079	Hộ gia đình quản lý	
27	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	70	25	65	1	438376	2419168	Hộ gia đình quản lý	
28	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	70	25	60	1	438324	2418986	Hộ gia đình quản lý	
29	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	65	25	50	1	438127	2418996	Hộ gia đình quản lý	
30	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	60	20	60	1	438151	2418990	Hộ gia đình quản lý	
31	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	60	20	60	1	438110	2418889	Hộ gia đình quản lý	
32	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	50	15	50	1	438127	2418880	Hộ gia đình quản lý	
33	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	60	25	57	1	438013	2418826	Hộ gia đình quản lý	
34	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	60	25	57	1	438034	2418822	Hộ gia đình quản lý	
35	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	70	25	58	1	438066	2418845	Hộ gia đình quản lý	
36	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	65	20	60	1	438106	2418842	Hộ gia đình quản lý	

37	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	55	20	50	1	438122	2418844	Hộ gia đình quản lý	
38	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	60	25	58	1	438036	2418801	Hộ gia đình quản lý	
39	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	50	20	50	1	438012	2418825	Hộ gia đình quản lý	
40	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	65	20	57	1	438262	2418893	Hộ gia đình quản lý	
41	Cây Trám đen	Cốc Đúc, thôn Thanh Sơn	65	20	58	1	438206	2418841	Hộ gia đình quản lý	
42	Cây Trám đen	Lặp Kéo, thôn Thanh Sơn	70	25	70	1	438367	2418646	Hộ gia đình quản lý	
43	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	70	25	70	1	438627	2418699	Hộ gia đình quản lý	
44	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	60	25	70	1	438638	2418461	Hộ gia đình quản lý	
45	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	60	20	60	1	438502	2418528	Hộ gia đình quản lý	
46	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	50	20	60	1	438732	2418481	Hộ gia đình quản lý	
47	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	65	20	60	1	438756	2418342	Hộ gia đình quản lý	
48	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	65	25	70	1	438553	2418451	Hộ gia đình quản lý	
49	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	60	25	55	1	438538	2418387	Hộ gia đình quản lý	
50	Cây Trám đen	Pồ Khá, thôn Thanh Sơn	60	20	55	1	438830	2418486	Hộ gia đình quản lý	
51	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	70	25	70	1	439011	2418863	Hộ gia đình quản lý	
52	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	70	25	65	1	439028	2418893	Hộ gia đình quản lý	
53	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	60	25	60	1	438910	2419034	Hộ gia đình quản lý	
54	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	70	25	60	1	438530	2418897	Hộ gia đình quản lý	
55	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	60	20	50	1	438713	2418832	Hộ gia đình quản lý	
56	Cây Trám đen	Khu Sơn ổi Rượi, thôn Thanh	60	20	50	1	438799	2419063	Hộ gia đình quản lý	
57	Cây Trám đen	Khu Sơn ổi Rượi, thôn Thanh	70	25	70	1	438832	2419077	Hộ gia đình quản lý	
58	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	65	25	70	1	438823	2419094	Hộ gia đình quản lý	
59	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	55	20	50	1	438894	2418997	Hộ gia đình quản lý	
60	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	50	20	50	1	438999	2418990	Hộ gia đình quản lý	
61	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	70	20	70	1	438970	2418945	Hộ gia đình quản lý	
62	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	65	25	60	1	438971	2418968	Hộ gia đình quản lý	
63	Cây Trám đen	Khu Sơn ổi Rượi, thôn Thanh	60	25	60	1	439044	2418855	Hộ gia đình quản lý	
64	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	65	25	60	1	438857	2418840	Hộ gia đình quản lý	
65	Cây Trám đen	Khuổi Rượi, thôn Thanh Sơn	60	25	58	1	438869	2418808	Hộ gia đình quản lý	

66	Cây Trám đen	Chất Nguột, thôn Thanh Sơn	70	20	60	1	437646	2419002	Hộ gia đình quản lý	
67	Cây Trám đen	Chất Nguột, thôn Thanh Sơn	50	15	50	1	437577	2419039	Hộ gia đình quản lý	
68	Cây Trám đen	Ch Sonất Nguột, thôn Thanh	60	17	50	1	437525	2419016	Hộ gia đình quản lý	
69	Cây Trám đen	Chất Nguột, thôn Thanh Sơn	65	17	50	1	437527	2418951	Hộ gia đình quản lý	
70	Cây Trám đen	Thôn Đồng Phú	50	15	50	1	435539	2419976	Hộ gia đình quản lý	
71	Cây Trám đen	Thôn Đồng Phú	60	20	55	1	435636	2420175	Hộ gia đình quản lý	
72	Cây Trám đen	Thôn Đồng Phú	60	20	55	1	435635	2419811	Hộ gia đình quản lý	
73	Cây Trám đen	Thôn Bản Khính	50	15	50	1	437083	2420039	Hộ gia đình quản lý	
74	Cây Trám đen	Thôn Bản Khính	60	17	50	1	436884	2420172	Hộ gia đình quản lý	
23		**XÃ NA SẦM**				**21**				
1	Cây Giã Hương	Thôn 1	100	30	170	1	103614956	22055093	UBND xã quản lý bảo vệ	
2	Cây Giã Hương	Thôn 1	100	30	170	1	103614893	22054820	UBND xã quản lý bảo vệ	
3	Cây Giã Hương	Thôn 1	100	30	170	1	103614803	22054735	UBND xã quản lý bảo vệ	
4	Cây Giã Hương	Thôn 1	100	30	170	1	103614803	22054735	UBND xã quản lý bảo vệ	
5	Cây Giã Hương	Thôn 1	100	30	170	1	106614657	22054708	UBND xã quản lý bảo vệ	
6	Cây Đa	Thôn 1	100	20	80	1	10661588	22055528	Hộ gia đình quản lý	
7	Cây Đa	Thôn 1	100	20	80	1	10661588	22055528	Hộ gia đình quản lý	
8	Cây Đa	Thôn 1	100	20	80	1	10661543	106615875	Hộ gia đình quản lý	
9	Cây Sưa	UBND xã (thôn 2)	100	20	45	1	106616635	22056540	UBND xã quản lý bảo vệ	
10	Cây Giã Hương	UBND xã (thôn 2)	150	30	170	1	106616695	22056612	UBND xã quản lý bảo vệ	
11	Cây Giã Hương	Thôn 2	100	30	170	1	106614370	22054435	UBND xã quản lý bảo vệ	
12	Cây Gạo	Thôn 4	200	40	200	1	106606057	22049268	Thôn quản lý bảo vệ	
13	Cây Đa	Thôn 4	200	40	200	1	106607650	22053433	Thôn quản lý bảo vệ	
14	Cây Đa	Thôn Lũng Vài	200	35	200	1	106589747	22128297	Thôn quản lý bảo vệ	
15	Cây Đa	Thôn Lũng Vài	300	40	200	1	106593853	22115060	Thôn quản lý bảo vệ	
16	Cây Gạo	Thôn Đoàn Kết	100	30	150	1	106591137	22103317	Thôn quản lý bảo vệ	
17	Cây Gạo	Thôn Đoàn Kết	100	30	150	1	106591137	22103317	Thôn quản lý bảo vệ	
18	Cây Sấu	Thôn An Hùng	200	35	200	1	106591913	22086813	Thôn quản lý bảo vệ	
19	Cây Đa	Thôn Khun Pinh	300	40	300	1	106610110	22038378	Thôn quản lý bảo vệ	
20	Cây Đa	Thôn Lũng Vài	300	30	250	1	106593853	22115060	Thôn quản lý bảo vệ	

21	Cây Gạo	Thôn 3	86	12	50	1	2438405	435194	Thôn quản lý bảo vệ	
24		**XÃ HOÀNG VĂN THỤ**				**7**				
1	Cây Đa	Thôn Nà Kéo mới	72	7	65	1	2435183	437049	Hộ gia đình quản lý	
2	Cây Gạo	Thôn Hợp nhất	81	20	50	1	2431741	439498	Thôn quản lý	
3	Cây gạo	Thôn Hợp nhất	70	18	50	1	2431741	439498	Thôn quản lý	
4	Cây Gạo	Thôn Tân Mỹ	115	18	60	1	2431447	440176	Hộ gia đình quản lý	
5	Cây Gạo	Thôn Tân Mỹ	170	22	80	1	2431384	440191	Thôn quản lý	
6	Cây Gạo	Thôn Tân Mỹ	90	19	70	1	2431374	440187	Thôn quản lý	
7	Cây Đa	Thôn Nhân Lý	145	15	90	1	24428810	436241	Thôn quản lý	
25		**XÃ THỤY HÙNG**				**10**				
1	Cây đa	Thôn Đoàn Kết	150	40	100	1	22124594	106652121	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
2	Cây gạo	Thôn Đoàn Kết	100	30	50	1	22124706	106656215	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
3	Cây đa	Thôn Nà Phân	140	15	100	1	22057497	106681710	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
4	Cây trám	Thôn Nà Phân	70	25	60	1	22057497	106681710	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
5	Cây đa	Thôn Na Hình	140	45	100	1	22119698	106682634	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
6	Cây gạo	Thôn Na Hình	100	40	80	1	22119698	106682634	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
7	Cây gạo	Thôn Na Hình	100	40	90	1	22119698	106682634	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
8	Cây gạo	Thôn Nà Tổng	60	30	100	2	22161138	106670187	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
9	Cây đa	Thôn Thanh Long	100	30	70	1	22074502	106688963	Cộng đồng dân cư thôn quản lý	
26		**XÃ LỘC BÌNH**				**15**				
1	Cây Đa	Thôn Xuân Lễ	70	14	60	1	2411349	458042	Thôn quản lý	
2	Cây Đa	Thôn Xuân Lễ	140	15	75	1	2412799	458728	Thôn quản lý	
3	Cây Đa	Thôn Xuân Lễ	60	12	60	1	2412891	458922	Thôn quản lý	
4	Cây Đa	Thôn Khánh Xuân	100	14	80	1	2411244	461454	Thôn quản lý	
5	Cây Đa	Thôn Bản Mặn	100	17	85	1	2411034	462915	Thôn quản lý	
6	Cây Đa	Thôn Tằm Lịp	200	18	90	1	2409228	461418	Thôn quản lý	
7	Cây Dã Hương	Thôn Minh Khai	110	14	95	1	2407659	465362	UBND xã quản lý	
8	Cây Dã Hương	Thôn Minh Khai	100	18	100	1	2407627	465385	UBND xã quản lý	
9	Cây Dã Hương	Thôn Minh Khai	90	12	98	1	2407596	465404	UBND xã quản lý	
10	Cây Dã Hương	Thôn Minh Khai	90	14	100	1	2407577	465414	UBND xã quản lý	
11	Cây Dã Hương	Thôn Minh Khai	125	16	90	1	2407544	465434	UBND xã quản lý	
12	Cây Dã Hương	Thôn Bản Mặn	70	15	60	1	2410081	462639	UBND xã quản lý	

13	Cây Vối	Thôn Xuân Lễ	70	12	70	1	2412757	459625	Thôn quản lý	
14	Cây Đa	Thôn Khòn Quắc	200	15	110	1	2176914	106906	Thôn quản lý	
15	Cây Đa	Thôn Phiêng Quăn	150	20	95	1	2178282	106914	Thôn quản lý	
27		**XÃ NA DƯƠNG**				**6**				
1	Cây Đa	Thôn Nà Ái	110	16	>100	1	2402141	466344	Thôn quản lý	
2	Cây Đa	Thôn Nà Ái	130	20	>100	1	2402245	466201	Thôn quản lý	
3	Cây Đa	Thôn Nà Ái	145	18	>100	1	2402334	466170	Thôn quản lý	
4	Cây Đa	Thôn Pò Kính	105	17	>100	1	2403517	468526	Thôn quản lý	
5	Cây Đa	Thôn Mới	160	15	>100	1	2400673	466460	Thôn quản lý	
6	Cây Đa	Thôn Na Dương	145	18	>100	1	2400931	469565	Thôn quản lý	
28		**XÃ LỢI BÁC**				**21**				
1	Cây Dã Hương	Thôn Khòn Cháo - Co Cai	50	20	30	5	217000	1069900	UBND xã quản lý	
2	Cây Đa	Đoàn Kết	120	18	60	5	216400	1070100	UBND xã quản lý	
3	Cây Đa	Lợi Bác	100	20	90	4	216000	1069400	UBND xã quản lý	
4	Cây Đa	Khòn Sè	100	20	50	5	216700	1070000	UBND xã quản lý	
5	Cây đa	Thống Nhất	100	30	80	1	2142000	1073200	UBND xã quản lý	
6	Cây gạo	Nà Làng	80	30	30	1	216800	1070300	UBND xã quản lý	
29		**XÃ THỐNG NHẤT**				**12**				
1	Cây Đa	Thôn Khuôn Săm	70	10	50	1	2400846	458474	Thôn quản lý	
2	Cây Đa	Thôn Khuôn Săm	90	12	65	1	2400844	458474	Thôn quản lý	
3	Cây Đa	Thôn Khuôn Săm	80	14	70	1	2400844	458476	Thôn quản lý	
4	Cây Đa	Thôn Bản Đooc	100	12	300	1	2404180	456507	Thôn quản lý	
5	Cây Đa	Thôn Bản Đooc	80	13	100	1	2404205	456531	Thôn quản lý	
6	Cây Đa	Thôn Bản Đooc	90	11	100	1	2404222	456579	Thôn quản lý	
7	Cây Đa	Thôn Nà Mò	150	17	90	1	2403698	462757	Thôn quản lý	
8	Cây Đa	Thôn Hợp Nhất	90	12	70	1	2406504	457742	Thôn quản lý	
9	Cây Đa	Thôn Vân Mộng	80	14	60	1	2409835	458310	Thôn quản lý	
10	Cây Đa	Thôn Vân Mộng	60	15	70	1	21775929	106845739	Thôn quản lý (Đình Khau Ngòa)	
11	Cây Đa	Thôn Khòn Chả	150	13	400	1	2410644	458929	Ban Quản lý Đình Vằng Khắc	
12	Cây Đa	Thôn Khòn Chả	90	13	400	1	2410657	458943	Ban Quản lý Đình Vằng Khắc	
30		**XÃ XUÂN DƯƠNG**				**1**				
1	Cây đa	Thôn Co Hồng (Di tích Cốc Lùng)	150	30	150	1	458122	2389175	Xã Quản lý	
31		**XÃ KHUẤT XÁ**				**32**				
1	Cây Đa	Thôn Bản chu	120	14	>100	1	2405511	474402	Thôn quản lý	
2	Cây Đa	Thôn Bản Chu	120	15	>100	1	2406828	474314	Thôn quản lý	

3	Cây Đa	Thôn Hợp Thành (Pắn Pé cũ)	130	12	>100	1	2408613	474406	Thôn quản lý	
4	Cây Đa	Thôn Hợp Thành (Tân Hợp cũ)	100	15	>100	1	2406202	475144	Thôn quản lý	
5	Cây Dã Hương	Thôn Bản Cảng	80	15	>50	9	2406089	743333	Thôn quản lý	
6	Cây Dã Hương	Thôn Bản Chu	60	15	>100	2	2406800	474300	Thôn quản lý	
7	Cây Dã Hương	Thôn Bản Chu	70	13	>100	2	2405900	474200	Thôn quản lý	
8	Cây Dã Hương	Thôn Liên Hợp (Khòn Mỏ cũ)	100	10	60	3	2405200	473500	Thôn quản lý	
9	Cây Si	Miếu Thôn Bản Chu	1300	11	>100	1	2406200	474400	Thôn quản lý	
10	Cây Lim	Thôn Liên Hợp (Khòn Mỏ cũ)	100	6	100	1	2405100	473100	Hộ gia đình	
11	Cây gạo	Đình Pò Khưa, Thôn Tam Gia	80	20	100	1	2403415	485674	Thôn quản lý	
12	Cây đa	Thôn Tam Gia (Bản Tre cũ)	80 - 120	25 - 30	.>100	3	2403343	485998	Thôn quản lý	
13	Cây gạo	Thôn Bản Tre (Bản Tre cũ)	70 - 80	20 - 25	80	3	2403321	485898	Thôn quản lý	
14	Cây gạo	Thôn Bản KhuấtLòngXá Pò Bó	60 - 70	20	>100	2	2404675	490073	Thôn quản lý	
15	Cây vông	Tại Miếu thôn Bản Lòng Pò Bó	80	20	>50	1	2405234	488644	Thôn quản lý	
33		**XÃ ĐÌNH LẬP**				**4**				
1	Cây Đa	Thôn Hòa Bình (trụ sở Đảng Ủy)	120	22	>100	1	484060	2383327	Trong trụ sở cơ quan và được quản lý bảo vệ	
2	Cây Đa	Thôn Hòa Bình (trụ sở Đảng Ủy)	100	20	>100	1	484077	2383295	Trong trụ sở cơ quan và được quản lý bảo vệ	
3	Cây Đa	Thôn Tân Thịnh (trụ sở UBND xã)	100	20	>100	1	483967	2383458	Trong trụ sở cơ quan và được quản lý bảo vệ	
4	Cây Gạo	Thôn Tân Tiến	50	15	>50	1	483958	2383585	Được hộ gia đình quản lý bảo vệ	
34		**XÃ THÁI BÌNH**				**5**				
1	Cây Đa (Bản Piềng)	Thôn Thái Bình	80-90	20-30	>80	1	21483609	106980283	Hộ gia đình quản lý	
3	Cây Nhãn	Thôn Khe Dăm (Nằm gần miếu của thôn)	40-50	15-20	>50	2	21427406	107018864	Thôn quản lý	
4	Cây Gạo (Nà Khu)	Thôn Hợp Thành (Nằm gần miếu của thôn)	80-100	20-30	>50	1	214280091	1070669320	Thôn quản lý	
5	Cây Lim (Bản Lạn)	Thôn Hợp Thành (Nằm gần miếu của thôn)	40-50	15-20	>50	1	21415182	107049089	Thôn quản lý	
35		**XÃ CHÂU SƠN**				**1**				
1	Cây Lát hoa	Thôn Cường Lợi, xã Châu Sơn	120	16	>50	1	483102	238057	Được cộng đồng dân cư thôn Cường Lợi quản lý bảo vệ	
36		**XÃ KIÊN MỘC**				**4**				
1	Cây Sấu	Thôn Bản Lự, xã Kiên Mộc	150	30	130	1	21628177	107233633	Cộng đồng DC thôn	
2	Cây Nhội	Thôn Bản Lự, xã Kiên Mộc	100	30	120	1	21628420	107232644	Cộng đồng DC thôn	

3	Cây Đa	Thôn Bản Văn, xã Kiên Mộc	100	30	150	1	21623481	107256511	Cộng đồng DC thôn	
4	Cây Si	Thôn Nà Thuộc, xã Kiên Mộc	200	20	150	1	21672614	107268321	Cộng đồng DC thôn	
37		**XÃ TUẤN SƠN**				**2**				
1	Cây Lim Xanh	Thôn Văn Miêu	100	30	170	1	635142	2374985	UBND xã quản lý	
2	Cây Lim Xanh	Thôn Văn Miêu	100	30	170	1	635151	2374981	UBND xã quản lý	
38		**XÃ HỮU LIÊN**				**29**				
1	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	9	10	31	1	409627	2398310	Hạt Kiểm lâm quản lý	
2	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	10	10	31	1	409619	2398302	Hạt Kiểm lâm quản lý	
3	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	10	10	31	1	409623	2398311	Hạt Kiểm lâm quản lý	
4	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	11	5	31	1	409590	2398292	Hạt Kiểm lâm quản lý	
5	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	11	13	31	1	409618	2398298	Hạt Kiểm lâm quản lý	
6	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	12	14	31	1	409620	2398299	Hạt Kiểm lâm quản lý	
7	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	15	10	31	1	409623	2398308	Hạt Kiểm lâm quản lý	
8	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	20	12	31	1	409619	2398308	Hạt Kiểm lâm quản lý	
9	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	21	13	31	1	409622	2398311	Hạt Kiểm lâm quản lý	
10	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	25	15	31	1	409626	2398307	Hạt Kiểm lâm quản lý	
11	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	13 - 15	9	31	1	409607	2398300	Hạt Kiểm lâm quản lý	
12	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	13 - 15	13	31	1	409612	2398308	Hạt Kiểm lâm quản lý	
13	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	13 - 15	11	31	1	409621	2398311	Hạt Kiểm lâm quản lý	
14	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	13 - 15	5	31	1	409618	2398317	Hạt Kiểm lâm quản lý	
15	Hoàng đàn Hữu Liên	Thôn Ba Lẹng	20-25	13	31	1	409609	2398297	Hạt Kiểm lâm quản lý	
16	Hoàng đàn Hữu Liên	Lân Tủ Niệc, xã Hữu Liên	5	2	Không xác định	1	411557	2397411	07 cây ngoài tự nhiên điều tra năm 2019, 2020 tại Khu Dự trữ thiên nhiên Hữu Liên do Ban quản lý rừng	
17	Hoàng đàn Hữu Liên	Lân Tủ Niệc, xã Hữu Liên	5,5	1,9	Không xác định	1	411583	2397 442		
18	Hoàng đàn Hữu Liên	Lân Chuối, xã Hữu Liên	5,5	2	Không xác định	1	411626	2397371		
19	Hoàng đàn Hữu Liên	Lân Chuối, xã Hữu Liên	3	0,5	Không xác định	1	411593	2397343		

20	Hoàng đàn Hữu Liên	Lân Chuối, xã Hữu Liên	3,5	0,9	Không xác định	1	411603	2397353	đó Ban quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ quản lý	
21	Hoàng đàn Hữu Liên	Lân Chuối, xã Hữu Liên	6	1,9	Không xác định	1	411617	2397385		
22	Hoàng đàn Hữu Liên	Lân Chuối, xã Hữu Liên	1	0,3	Không xác định	1	411607	2397315		
23	Cây Sưa	Khu viên trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng và Phòng hộ *(địa chỉ: thôn Tân Lai, xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn)*	20	8	13	1	408270	2396922	Đơn vị đang quản lý	
24	Cây Sưa	Khu viên trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng và Phòng hộ *(địa chỉ: thôn Tân Lai, xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn)*	23	7	13	1	408258	2396882	Đơn vị đang quản lý	
25	Cây Sưa	Khu viên trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng và Phòng hộ *(địa chỉ: thôn Tân Lai, xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn)*	15	8	13	1	408272	2396894	Đơn vị đang quản lý	
26	Cây Sưa	Khu viên trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng và Phòng hộ *(địa chỉ: thôn Tân Lai, xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn)*	15	6	13	1	408263	2396900	Đơn vị đang quản lý	
27	Cây Sưa	Khu viên trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng và Phòng hộ *(địa chỉ: thôn Tân Lai, xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn)*	23	9	13	1	408253	2396900	Đơn vị đang quản lý	
28	Cây Sưa	Khu viên trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng và Phòng hộ *(địa chỉ: thôn Tân Lai, xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn)*	20	8	13	1	408280	2396904	Đơn vị đang quản lý	
29	Cây Sưa	Khu viên trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng và Phòng hộ *(địa chỉ: thôn Tân Lai, xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn)*	23	9	13	1	408253	2396951	Đơn vị đang quản lý	
39		**Xã Cai Kinh**				**9**				
1	Cây Mít	Thôn Ba Nàng	80	18-20	> 100	1	409523	2383754	Hộ gia đình quản lý	
2	Cây Thị	Thôn Ba Nàng	100-150	17-20	> 80	1	410497	2383723	Hộ gia đình quản lý	
3	Cây Đa	Thôn Đồng Vân	100-150	15	> 100	1	414345	2383015	Hộ gia đình quản lý	
4	Cây Đa	Thôn Thuốc Sơn	100-120	15-20	> 80	1	411425	2381266	Hộ gia đình quản lý	
5	Cây Đa	Thôn Thuốc Sơn	100-150	15-20	> 100	1	411094	2381482	Hộ gia đình quản lý	
6	Cây Đa	Thôn Thuốc Sơn	100-150	15-20	> 100	1	411085	2381485	Hộ gia đình quản lý	
7	Cây Lát	Thôn Thuốc Sơn	150	20	> 50	1	411105	2381490	Hộ gia đình quản lý	
8	Cây Suốt	Thôn Thuốc Sơn	100	15	> 100	1	411135	2382345	Hộ gia đình quản lý	

9	Cây Thị	Thôn Cai Kinh	100-150	17-20	> 100	1	412199	2383346	Hộ gia đình quản lý	
40		**XÃ QUAN SƠN**				**4**				
1	Cây Đa	Thôn Làng Hăng	50	12	80	1	433105	2394399	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Gạo	Thôn Làng Hăng	30	20	60	1	434538	2391785	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây Đa	Thôn Làng Hăng	50	13	100	1	434484	2391875	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây khế	Thôn Mè Thình	200	8	200	1	449617	2392797	Hộ gia đình Ma Văn Mười quản lý	
41		**XÃ CHI LĂNG**				**26**				
1	Cây Đa	Thôn Làng Trung	100-120	15-20	120-150	1	430277	2394037	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Đa	ThônHữu Nghị	120-150	18-20	100	1	431172	2395478	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây Đa	Than Muội	100-120	15-20	80	1	428137	2393313	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Cọng	Thôn Làng Trung	150-200	25	200	1	429977	2394049	Thôn quản lý bảo vệ	
5	Cây Gạo	Thôn Mã Yên	300	25	50	1	425772	2388820	Thôn quản lý bảo vệ	
6	Cây Gạo	Thôn Chi Lăng	300	25	100	1	426339	2391312	Thôn quản lý bảo vệ	
7	Cây Đa	Thôn Ba Đăng	200	20	100	1	424738	2388160	Thôn quản lý bảo vệ	
8	Cây Đa	Thôn Xóm Mới	200	20	100	1	426442	2390101	Thôn quản lý bảo vệ	
9	Cây Trôi	Thôn Làng Thượng	80	30	80	1	420101	2385672	Đền Chầu năm suối Lân	
10	Cây Quéo	Thôn Làng Thượng	80	30	80	1	420101	2385672	Đền Chầu năm suối Lân	
11	Cây Đa	Thôn Làng Thượng	80	30	100	1	420868	2385714	Nhân dân xóm Cây Hồng	
12	Cây Đa	Thôn Đồng Bành	80	30	100	1	423180	2387075	Thôn quản lý bảo vệ	
13	Cây Đa	Thôn Đồng Bành	70	40	100	1	423186	2386866	Thôn quản lý bảo vệ	
14	Cây Đa	Thôn Đồng Bành	100	50	100	1	423590	2386615	Thôn quản lý bảo vệ	
15	Cây Đa	Thôn Yên Bình	90	60	100	1	423930	2386954	Thôn quản lý bảo vệ	
16	Cây Dã Hương	Thôn Yên Bình	61-90	18-22,5	100	2	422724	2387190	Tiểu đoàn HLCĐ	
17	Cây Sấu	Thôn Yên Bình	51-65	12-21,5	100	9	422724	2387190	Tiểu đoàn HLCĐ	
42		**XÃ CHIẾN THẮNG**				**12**				
1	Cây Đa Trắng	Xóm Nà Phước, thôn Bản Thí (Thôn Nà Phước cũ)	140	20	70-80	1	446516	2408296	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Đa Trắng	Xóm Khuôn Nặng, Thôn Bản Thí (thôn Nà Phước cũ)	140	20	70-80	1	447210	2407684	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây sậm	Thổ Công Nà Lừu, thôn Bản Thí (Thôn Nà Pất cũ)	20	16	> 50	3	445263	2406597	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Hoa sữa	Thổ Công Nà Lừu, thôn Bản Thí (Thôn Nà Pất cũ)	90	20	> 50	1	445263	2406597	Thôn quản lý bảo vệ	
5	Cây Chân chim	Thổ Công Nà Lừu, thôn Bản Thí (Thôn Nà Pất cũ)	50	20	> 50	1	445263	2406597	Thôn quản lý bảo vệ	
6	Cây đa	Thôn Hồng Tân (ngã ba Hồng Tân)	200	45	100-120	1	479133	2405167	Cộng đồng DC thôn	

7	Cây đa	Thổ công Tân Minh (NVH thôn Tân Minh cũ)	120	40	> 100	1	454342	2406622	Cộng đồng DC thôn	
8	Cây đa	Miếu Cống Mồ, thôn Háng Ví (thôn Nà Lầm cũ)	150 – 200	45	> 80	1	449830	2365288	Cộng đồng DC thôn	
9	Cây đa	Nhà Văn hóa thôn Làng Thành (cũ)	120	40	> 80	1	449247	2404111	Cộng đồng DC thôn	
10	Cây đa	xóm Tân Minh, thôn Vân An (ngã ba Kéo Bó)	125-130	25	> 50	1	454032	2406986	Hộ gia đình quản lý	
43		**XÃ NHÂN LÝ**				**33**				
1	Cây đa	Thôn Sao Hạ	200	40	> 100	1	2403265	668021	Tập thể	
2	Cây đa	Thôn Sao Hạ	200	40	> 100	1	2403341	668232	Tập thể	
3	Cây đa	Thôn Sao Hạ	200	40	> 100	1	2403015	667959	Tập thể	
4	Cây đa	Thôn Sao Hạ	200	40	> 10	1	2402213	666404	Tập thể	
5	Cây trám đen	Thôn Sao Hạ	150	50	100	1	2402004	668346	Hộ gia đình	
6	Cây gạo	Thôn Sao Hạ	150	50	80	1	2401901	666409	Hộ gia đình	
7	Cây đa	Thôn Tồng Cút	170	25	> 50	4	2402798	669927	Tập thể thôn	
8	Cây si	Thôn Tồng Cút	150	15	> 50	1	240745	671892	Hộ gia đình	
9	Cây gạo	Thôn Tồng Cút	150	18	> 50	1	2402938	672002	Hộ gia đình	
10	Cây đa	Xóm Nà Sèn, thôn Nà Sèn	120	30	120	1	2398272	666149	Cá nhân	
11	Cây duối	Xóm Pa Chia, thôn Nà Sèn	100	20	80	1	2398712	665057	Tổ chức	
12	Cây duối	Xóm Cu Hau, thôn Bắc Phù	100	20	70	2	2171079	106679	Hộ gia đình	
13	Cây đa	Thôn Khun Tiếm	150	30	60	1	2398595	670117	Tập thể	
14	Cây si	Khu Làng Bu (cũ), thôn Lâm Sơn	100	20	> 70	3	2397459	674395	Hộ gia đình	
15	Cây ngán	Khu Lâm sơn (cũ), thôn Lâm Sơn	80	35	> 60	3	2398153	672140	Hộ gia đình	
16	Cây đa	Khu Làng Bu, Hà Nam(cũ), thôn Lâm Sơn	100	25	> 80	5	2397766	674559	Hộ gia đình	
17	Cây gạo	Khu Làng Bu (cũ), thôn Lâm Sơn	90	35	> 60	2	2397458	673200	Hộ gia đình	
18	Cây vối	Khu Làng Bu (cũ), thôn Lâm Sơn	80	35	> 60	1	2396926	673335	Hộ gia đình	
19	Cây gạo	Xóm Lạng Nắc, thôn Mai Sao	150	40	200	1	2399776	666796	Tổ chức	
20	Cây đa	Xóm Lạng Nắc, thôn Mai Sao	150	40	200	1	2399936	666810	Cá nhân	
44		**XÃ BẰNG MẠC**				**247**				
1	Cây Gạo	Thôn Lũng Mắt	120 - 150	25-30	300 -550	1	425467	2402218	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Nghiến	Thôn Lũng Mắt	120 - 150	25-30	300 -550	10	425467	2402218	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây Nghiến	Thôn Lũng Mắt	140	25-30	300 -550	2	425959	2401036	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Nghiến	Thôn Lũng Mắt	100	25-30	300 -550	1	425900	240950	Thôn quản lý bảo vệ	
5	Cây Nghiến	Thôn Lũng Mắt	110	25-30	300 -550	1	425945	2400950	Thôn quản lý bảo vệ	
6	Cây Nghiến	Thôn Lũng Mắt	70	25-30	300 -550	1	425916	2403195	Thôn quản lý bảo vệ	
7	Cây Đa	Thôn Pá Tào	142	16	80	1	421334	2403507	Thôn Quản lý bảo vệ	
8	Cây Đa	Thôn Pá Tào	145	18	96	1	421133	2403302	Thôn Quản lý bảo vệ	

9	Cây Đa	Thôn Cao Minh	130	18	25	1	422798	2404001	Thôn Quản lý bảo vệ	
10	Cây Đa	Thôn Cao Minh	150	21	28	1	422879	2403506	Thôn Quản lý bảo vệ	
11	Cây nghiến	Thôn Cao Minh	78	30	300 -550	1	422741	242026	Thôn quản lý bảo vệ	
12	Cây Đa	Thôn Bằng Hữu	135	20	54	1	422881	2404074	Thôn Quản lý bảo vệ	
13	Cây Đa	Thôn Đông Quan	165	22	75	1	424255	2398108	Thôn quản lý bảo vệ	
14	Cây Đa	Thôn Đông Quan	160	20	75	1	424287	2398062	Thôn quản lý bảo vệ	
15	Cây Đa	Thôn Làng Phiêng	145	17	80	1	423866	2398794	Thôn quản lý bảo vệ	
16	Cây Đa	Thôn Làng Phiêng	140	18	80	1	423819	2399061	Thôn quản lý bảo vệ	
17	Cây Đa	Thôn Làng Phiêng	135	17	75	1	423819	2399057	Thôn quản lý bảo vệ	
18	Cây Lý	Thôn Làng Phiêng	155	18	75	1	424885	2399290	Thôn quản lý bảo vệ	
19	Cây Lầu Hẳn	Thôn Làng Phiêng	144	15	77	1	424884	2399287	Thôn quản lý bảo vệ	
20	Cây Nghiến	Thôn Gia Lộc	120 - 150	25-30	300 -550	185	429005	2403561	Thôn quản lý bảo vệ	
21	Cây Nghiến	Thôn Làng Khoác	140	18	80	1	422276	2400598	Thôn quản lý bảo vệ	
22	Cây Nghiến	Thôn Làng Khoác	135	15	75	1	422284	2400604	Thôn quản lý bảo vệ	
23	Cây Nghiến	Thôn Làng Khoác	130	15	70	1	422296	2400601	Thôn quản lý bảo vệ	
24	Cây Nghiến	Thôn Làng Khoác	145	18	65	1	422276	2400616	Thôn quản lý bảo vệ	
25	Cây gạo	Thôn Thượng Cường	76-118	15-20	80-100	2	429600	2398719	Thôn quản lý bảo vệ	
26	Cây đa	Thôn Thượng Cường	242	15-20	100-150	1	429607	2398186	Thôn quản lý bảo vệ	
27	Cây gạo	Thôn Thượng Cường	130	20-25	100-150	1	429416	2398764	Thôn quản lý bảo vệ	
28	Cây gạo	Thôn Thượng Cường	207	25-30	100-150	1	429521	2398864	Thôn quản lý bảo vệ	
29	Cây thị	Thôn Thượng Cường	165	15-20	100-150	1	429512	2398883	Thôn quản lý bảo vệ	
30	Cây thị	Thôn Thượng Cường	177	15-20	100-150	1	429509	2398879	Thôn quản lý bảo vệ	
31	Cây thị	Thôn Thượng Cường	210	15-20	100-150	1	429500	2398880	Thôn quản lý bảo vệ	
32	Cây gạo	Thôn Thượng Cường	238	15-20	100-150	1	429467	2399304	Thôn quản lý bảo vệ	
33	Cây đa	Thôn Khòn Sâu	197	20-25	100-150	1	429484	2400540	Thôn quản lý bảo vệ	
34	Cây sấu	Thôn Khòn Sâu	290	30-35	200-250	1	429799	2401071	Thôn quản lý bảo vệ	
35	Cây nghiến đất	Thôn Khòn Sâu	127	25-30	200-250	1	430808	2401485	Thôn quản lý bảo vệ	
36	Cây Bồ Hòn	Chợ Hoàng	116	30-35	100-150	1	428584	2401111	Thôn quản lý bảo vệ	
37	Cây đa	Chợ Hoàng	153	25-30	100-150	1	428589	2400105	Thôn quản lý bảo vệ	
38	Cây sau sau	Chợ Hoàng	82	25-30	100-150	1	428617	2400084	Thôn quản lý bảo vệ	
39	Cây sau sau	Chợ Hoàng	85	25-30	100-150	1	428636	2400090	Thôn quản lý bảo vệ	
40	Cây sau sau	Chợ Hoàng	67	25-30	100-150	1	428640	2400100	Thôn quản lý bảo vệ	
41	Cây sau sau	Chợ Hoàng	74	25-30	100-150	1	428648	2400111	Thôn quản lý bảo vệ	
42	Cây găng	Chợ Hoàng	62	25-30	100-150	1	428638	2400107	Thôn quản lý bảo vệ	
43	Cây sau sau	Chợ Hoàng	81	25-30	100-150	1	428629	2400108	Thôn quản lý bảo vệ	
44	Cây sau sau	Chợ Hoàng	76	25-30	100-150	1	42863	2400119	Thôn quản lý bảo vệ	
45	Cây sau sau	Chợ Hoàng	97	25-30	100-150	1	428644	2400129	Thôn quản lý bảo vệ	
46	Cây sau sau	Chợ Hoàng	110	25-30	100-150	1	428652	2400145	Thôn quản lý bảo vệ	

47	Cây sau sau	Chợ Hoàng	84	25-30	100-150	1	428627	240134	Thôn quản lý bảo vệ	
48	Cây đa	Chợ Hoàng	248	25-30	200-250	1	426893	2400485	Thôn quản lý bảo vệ	
49	Cây đinh	Chợ Hoàng	60	20-25	200-250	1	426901	2400483	Thôn quản lý bảo vệ	
50	Cây đa	Chợ Hoàng	188	20-25	100-150	1	429908	2400488	Thôn quản lý bảo vệ	
51	Cây Khế	Chợ Hoàng	89	12-15	100-150	1	426910	2400486	Thôn quản lý bảo vệ	
52	Cây đa	Chợ Hoàng	194	20-25	200-250	1	426718	2400421	Thôn quản lý bảo vệ	
45		**XÃ VẠN LINH**				**32**				
1	Cây đa	Làng Càng	110	9	300	1	660135	2398576	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây đa	Làng Càng	100	23	300	1	658870	2398798	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây đa	Làng Càng	120	25	300	1	659307	2398844	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Dã Hương	Hoà Bình	130	11	300	1	657191	2397136	Trường THPT Hoà Bình	
5	Cây Gạo	Hoà Bình	100	10	300	1	657965	2398893	Nhóm hộ gđ quản lý	
6	Cây đa	Hoà Bình	130	15	300	1	658176	2398704	Thôn quản lý bảo vệ	
7	Cây Ngiến	Thống Nhất	80-100	12	300	2	660849	2396423	Nhóm hộ gđ quản lý	
8	Cây đa	Xa Đán	130	18	300	1	653582	2395889	Nhóm hộ gđ quản lý	
9	Cây Gạo	Xa Đán	100	30	300	1	6533324	2398599	Thôn quản lý bảo vệ	
10	Cây Nghiến	Hàm Rồng	70-180	35	300	15	418590	2966956	Thôn quản lý bảo vệ	
11	Cây Nghiến	Hàm Rồng	100	35	300	1	417036	2395604	Tập thể Thôn Quản lý	
12	Cây Nghiến	Đông Thành	170	35	300	1	418748	2395600	Tập thể Thôn Quản lý	
13	Cây đa	Thần Lãng	100-150	18-20	300	3	651547	2390912	Tập thể Thôn Quản lý	
14	Cây đa	Thần Lãng	100	11	100	1	651589	2391746	Tập thể Thôn Quản lý	
15	Cây Nghiến	Giáp Thượng	150	16	200	1	653610	2393836	Tập thể Thôn Quản lý	
46		**XÃ ĐỒNG ĐĂNG**				**3**				
1	Cây Đa	Đền Mẫu	120	30	50	1	442634	2428402	UBND xã quản lý	
2	Cây Đa	Pháo đài Đồng Đăng	80	18	60	1	442640	2427855	UBND xã quản lý	
3	Cây Nghiến	Thôn Còn Quyền	50	20	62	1	440744	2426177	UBND xã quản lý	
47		**XÃ CAO LỘC**				**24**				
1	Cây Đa	Xóm Thâm Pằng, thôn Bản Héc	150	25	> 100	1	2426963	459725	Thôn quản lý	
2	Cây Đa	Xóm Thâm Pằng, thôn Bản Héc	150	25	> 100	1	2426953	459721	Thôn quản lý	
3	Cây Đa	Xóm Còn Teng, thôn Bản Héc	150	20	> 100	1	2425133	455659	Thôn quản lý	
4	Cây Đa	Xóm Lục Tát, thôn Bản Héc	150	30	> 100	1	2424965	457197	Thôn quản lý	
5	Cây Đa	Nà Khỉ, thôn Bản Héc	140	25	>50	1	2424504	455864	Thôn quản lý	
6	Cây Đa	Xóm Lục Ngoãng, thôn Bản Dọn	140	25	> 200	1	2425562	454595	Hộ gia đình	
7	Cây Đa	Xóm Lục Ngoãng, thôn Bản Dọn	150	30	> 150	1	2425682	454542	Thôn quản lý	

8	Cây gạo	Thôn Bản Dọn	100	50	> 100	1	2424075	4545584	Thôn quản lý	
9	Cây Đa	Thôn Bản Dọn	160	25	> 100	1	2423979	455796	Thôn quản lý	
10	Cây Đa	Xóm Lục Luông, Thôn Bản Dọn	80	16	50	1	2424166	453439	Hộ gia đình	
11	Cây Đa	Thôn Bản Lòa	130	25	150	1	459088	2429519	Thôn quản lý	
12	Cây Đa	Thôn Bản Lòa	130	25	150	1	458982	2429675	Thôn quản lý	
13	Cây Đa	Thôn Bản Lòa	130	25	150	1	459738	2429861	Thôn quản lý	
14	Cây Đa	Co Khuất, thôn Bản Lòa	80	20	100	1	460904	2428405	Thôn quản lý	
15	Cây Đa Tía	Thôn Bản Cướm	120	25	>50	1	449411	2424767	Thôn quản lý	
16	Cây Đa Tía	Thôn Bản Cướm	120	25	>50	1	450534	2424732	Thôn quản lý	
17	Cây Đa Tía	Thôn Bản Cướm	120	25	>50	1	450509	2424765	Thôn quản lý	
18	Cây Đa Tía	Thôn Bản Cướm	120	25	>50	1	450891	2424267	Thôn quản lý	
19	Cây Đa Tía	Thôn Nà Mon	100	30	200	1	450789	2426087	Thôn quản lý	
20	Cây Đa Tía	Thôn Nà Mon	100	30	200	1	450856	2425869	Thôn quản lý	
21	Cây Đa Tía	Thôn Nà Mon	100	30	200	1	450937	2425724	Thôn quản lý	
22	Cây Đa Tía	Thôn Nà Lệnh	100	30	200	1	452406	2426064	Thôn quản lý	
23	Cây Đa Tía	Xóm Nà Pao, Thôn Bản Roọc	100	30	200	1	452370	2428191	Thôn quản lý	
24	Cây Đa Tía	Thôn Bản Roọc	80	20	>50	1	451330	2428931	Thôn quản lý	
48		**XÃ CÔNG SƠN**				**111**				
1	Cây Gạo	Thôn Kéo Cặp	110	20	70	1	218945897	1067889939	Thôn quản lý bảo vệ	
2	Cây Gạo	Thôn Kéo Cặp	100	22	75	1	218979904	1067913149	Thôn quản lý bảo vệ	
3	Cây Gạo	Thôn Kéo Cặp	150	25	150	1	21897017	1067920464	Thôn quản lý bảo vệ	
4	Cây Gạo	Thôn Kéo Cặp	140	24	150	1	218968004	1067911067	Thôn quản lý bảo vệ	
5	Cây Gạo	Thôn Hải Yến	160	20	150	1	218884445	1068425153	Thôn quản lý bảo vệ	
6	Cây Gạo	Thôn Bản Lành	120	20	120	1	218986255	1068264504	Thôn quản lý bảo vệ	
7	Cây Đa	Thôn Bản Lành	150	25	170	1	218889351	1068209493	Thôn quản lý bảo vệ	
8	Cây Đa	Thôn Hải Yến	120	15	110	1	218944838	1068242551	Thôn quản lý bảo vệ	
9	Cây Đa	Thôn Bản Lành	80	15	80	1	218819705	1068057661	Thôn quản lý bảo vệ	
10	Cây Đa	Thôn Bản Luận	120	18	130	1	218757457	1067969928	Thôn quản lý bảo vệ	
11	Cây Đa	Thôn Bản Luận	150	18	160	1	218663196	1068060059	Thôn quản lý bảo vệ	
12	Cây Đa	Thôn Bản Luận	120	18	150	1	218825089	1068048890	Thôn quản lý bảo vệ	
13	Cây Đa	Thôn Kéo Cặp	120	18	150	1	218965386	1067895884	Thôn quản lý bảo vệ	
14	Cây Đa	Thôn Bản Luận	120 -150	18-20	100 -150	4	218663839	1068059599	Thôn quản lý bảo vệ	
15	Cây Đa	Thôn Hải Yến	100	15	80	1	218944732	1068454791	Thôn quản lý bảo vệ	
16	Cây Đa	Thôn Hải Yến	180	15	130	1	218863261	1068392549	Thôn quản lý bảo vệ	
17	Chè Shan Tuyết	Thôn Ngàn Pặc	50-100	10 - 15	80-100	47	218688071	1069144177	Thôn quản lý bảo vệ	
18	Chè Shan Tuyết	Thôn Pác Đây	50-100	10 - 15	80-100	45	218719335	1069333648	Thôn quản lý bảo vệ	
49		**XÃ BA SƠN**				**12**				
1	Cây Đa	Thôn Cao Lâu	440-480	15	>300	1	2423114	465854	Thôn quản lý	

2	Cây Đa	Thôn Nà Va	300-320	15	>200	1	2427762	464497	Thôn quản lý	
3	Cây Chè Móng Rồng	Thôn Thạch Khuyên	50	10	80	1	2420465	477252	Thôn quản lý	
4	Cây Dổi	Thôn Thạch Khuyên	60	16	80	1	2419832	477543	Thôn quản lý	
5	Cây Dổi	Thôn Thạch Khuyên	60	18	90	1	2419857	477527	Thôn quản lý	
6	Cây Dổi	Thôn Thạch Khuyên	55	15	90	1	2419883	477518	Thôn quản lý	
7	Cây Dẻ	Thôn Thạch Khuyên	60	16	100	1	2419811	477562	Thôn quản lý	
8	Cây Dẻ	Thôn Thạch Khuyên	70	15	90	1	2419808	477568	Thôn quản lý	
9	Cây Nhãn	Thôn Thạch Khuyên	50	15	100	1	2422124	475821	Thôn quản lý	
10	Cây Nhãn	Thôn Thạch Khuyên	50	12	90	1	2422123	475840	Thôn quản lý	
11	Cây Đa	Thôn Thạch Khuyên	240-260	22	250	1	2421920	475853	Thôn quản lý	
12	Cây Đa	Thôn Bản Ranh	220-240	20	250	1	2421902	470704	Thôn quản lý	
50		**PHƯỜNG TAM THANH**				**8**				
1	Cây Hoàng đàn	Khuôn viên trụ sở cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ sở 1 (địa chỉ số 118, đường Ba Sơn, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn)	17	3,8	11	1	448007	2419044	Đơn vị đang quản lý	
2	Cây Hoàng đàn	Khuôn viên trụ sở Trung tâm Tài nguyên và Môi trường *(địa chỉ: số 120, đường Ba Sơn, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn)*	7,9	3	6	4	448026	2419093	Đơn vị đang quản lý	
3	Cây đa	Công viên hồ Phai Loạn	90	40	60	1	21857172	106755783	Già cỗi; UBND phường quản lý	
4	Cây si	Công viên hồ Phai Loạn	80	35	50	1	21857755	106756523	Già cỗi; UBND phường quản lý	
5	Cây si	số 117, đường Trần Đăng Ninh	90	40	60	1	21859683	106754216	Già cỗi; UBND phường quản lý	
51		**PHƯỜNG LƯƠNG VĂN TRI**				**78**				
1	Cây Dã Hương số 04	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184579	10675786	Phường quản lý	
2	Cây Dã Hương số 06	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184575	1067577	Phường quản lý	
3	Cây Dã Hương số 08	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184575	1067576	Phường quản lý	
4	Cây Dã Hương hàng rào cục thống kê	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184578	10675685	Phường quản lý	
5	Cây Dã Hương số 48	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	218458	10675526	Phường quản lý	
6	Cây Dã Hương số 50	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184573	10675515	Phường quản lý	

7	Cây Dã Hương số 82	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184577	10675346	Phường quản lý	
8	Cây Dã Hương số 103	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184579	10675248	Phường quản lý	
9	Cây Dã Hương số 101	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184577	10675264	Phường quản lý	
10	Cây Dã Hương số 99	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184582	10675276	Phường quản lý	
11	Cây Dã Hương số 95	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184575	10675303	Phường quản lý	
12	Cây Dã Hương số 93	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2174575	10675313	Phường quản lý	
13	Cây Dã Hương số 81	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2174575	10675358	Phường quản lý	
14	Cây Dã Hương số 77	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2174575	1067538	Phường quản lý	
15	Cây Dã Hương số 75	Đường Đinh Tiên Hoàng	Khoảng 50-80	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2174575	10675399	Phường quản lý	
16	Cây Dã Hương số 15	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	2184665	10675678	Phường quản lý	
17	Cây Dã Hương số 13	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	2184668	10675681	Phường quản lý	
18	Cây Dã Hương số 12	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	2184670	10675695	Phường quản lý	
19	Cây Dã Hương số19	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	2184660	10675653	Phường quản lý	
20	Cây Dã Hương số 32	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	21,84668	10675591	Phường quản lý	
21	Cây Dã Hương số 37	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	21,84666	10675593	Phường quản lý	
22	Cây Dã Hương số 80	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	2184670	10675392	Phường quản lý	
23	Cây Dã Hương số 84	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	2184671	10675368	Phường quản lý	
24	Cây Dã Hương số 95	Đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-70	Khoảng 12-20	Khoảng > 50	1	2184668	10675296	Phường quản lý	
25	Cây Dã Hương số 46	Đường Hùng Vương	Khoảng 80-120	Khoảng 12-15m	Khoảng > 50	1	2184737	10675831	Phường quản lý	
26	Cây Dã Hương số 48	Đường Hùng Vương	Khoảng 80-120	Khoảng 12-15m	Khoảng > 50	1	2184641	1067582	Phường quản lý	
27	Cây Dã Hương số 52	Đường Hùng Vương	Khoảng 80-120	Khoảng 12-15m	Khoảng > 50	1	2184611	10675822	Phường quản lý	
28	Cây Dã Hương số 139	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	283782	10675499	Phường quản lý	

29	Cây Dã Hương số 89	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184492	10675733	Phường quản lý	
30	Cây Dã Hương số 85	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184511	10675737	Phường quản lý	
31	Cây Dã Hương số75	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184554	10675734	Phường quản lý	
32	Cây Dã Hương số 27	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184718	10675738	Phường quản lý	
33	Cây Dã Hương số 25	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184725	10675743	Phường quản lý	
34	Cây Dã Hương số 15	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184746	10675742	Phường quản lý	
35	Cây Dã Hương số 01	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	218485	10675748	Phường quản lý	
36	Cây Dã Hương số 02	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184916	10675744	Phường quản lý	
37	Cây Dã Hương số 18	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184840	10675746	Phường quản lý	
38	Cây Dã Hương số 80	Đường Quang Trung	Khoảng 50-120	Khoảng 12-17	Khoảng > 50	1	2184553	10675728	Phường quản lý	
39	Cây Dã Hương số 21	Đường Xứ Nhu	70	15m	Khoảng > 50	1	2184607	10675662	Phường quản lý	
40	Cây Dã Hương số 33	Đường Phai Luông	Khoảng 120	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2183798	10675511	Phường quản lý	
41	Cây Dã Hương số 35	Đường Phai Luông	Khoảng 120	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2183782	10675499	Phường quản lý	
42	Cây Dã Hương	Khuôn viên Tượng đài Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-120	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184519	10675808	Phường quản lý	
43	Cây Dã Hương	Khuôn viên Tượng đài Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-120	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184506	10675760	Phường quản lý	
44	Cây Dã Hương	Khuôn viên Tượng đài Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-120	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184491	10675772	Phường quản lý	
45	Cây Dã Hương	Khuôn viên Tượng đài Hoàng Văn Thụ	Khoảng 50-120	Khoảng 15-20	Khoảng > 50	1	2184492	10675777	Phường quản lý	
46	Cây Dã Hương	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 64 - 146	Khoảng 25	Khoảng > 50	1	21846703	106758020	UBND tỉnh Lạng Sơn	
47	Cây Dã Hương	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 64 - 146	Khoảng 25	Khoảng > 50	1	21846816	106758577	UBND tỉnh Lạng Sơn	
48	Cây Dã Hương	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 64 - 146	Khoảng 25	Khoảng > 50	1	21847079	106758001	UBND tỉnh Lạng Sơn	
49	Cây Dã Hương	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 64 - 146	Khoảng 25	Khoảng > 50	1	21847286	106758084	UBND tỉnh Lạng Sơn	
50	Cây Dã Hương	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 64 - 146	Khoảng 25	Khoảng > 50	1	21847188	106757692	UBND tỉnh Lạng Sơn	

51	Cây Dã Hương	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 64 - 146	Khoảng 25	Khoảng > 50	1	21847004	106757739	UBND tỉnh Lạng Sơn	
52	Cây Dã Hương	UBND tỉnh Lạng Sơn	124	25	Khoảng > 50	1	21846106	106758137	UBND tỉnh Lạng Sơn	
53	Cây Nhội	UBND tỉnh Lạng Sơn	80	25	Khoảng > 50	1	21846746	10675799	UBND tỉnh Lạng Sơn	
54	Cây Nhội	UBND tỉnh Lạng Sơn	80	25	Khoảng > 50	1	21846279	106757684	UBND tỉnh Lạng Sơn	
55	Cây Đa	UBND tỉnh Lạng Sơn	83	20	Khoảng > 50	1	21845819	10675782	UBND tỉnh Lạng Sơn	
56	Cây Dã Hương	Sở Y tế, số 13 đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 80 -100	Khoảng 20	Khoảng > 50	1	2184672	10675397	Sở Y tế	
57	Cây Dã Hương	Sở Y tế, số 13 đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 80 -100	Khoảng 20	Khoảng > 50	1	2184685	10675409	Sở Y tế	
58	Cây Dã Hương	Sở Y tế, số 13 đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 80 -100	Khoảng 20	Khoảng > 50	1	2184668	10675381	Sở Y tế	
59	Cây Dã Hương	Sở Y tế, số 13 đường Hoàng Văn Thụ	Khoảng 80 -100	Khoảng 20	Khoảng > 50	1	2184669	10675381	Sở Y tế	
60	Cây Dã hương	Sở Nội vụ, số 04 đường Quang Trung	120	15	Khoảng > 50	1	21845687	10675697	Sở Nội vụ	
61	Cây Dã hương	Sở Nội vụ, số 04 đường Quang Trung	100	15	Khoảng > 50	1	21846124	10675716	Sở Nội vụ	
62	Cây Dã hương	Trung tâm Lưu trữ lịch sử, số 03 Hoàng Văn Thụ	100	20	Khoảng > 50	1	2184644	10675695	Sở Nội vụ	
63	Cây Dã Hương	Trung tâm lưu trữ Lịch sử	80	30	Khoảng > 50	1	21845874	106756632	Sở Nội vụ	
64	Cây Dã Hương	Bờ rào Cục thống kê	100	30	Khoảng > 50	1	21845678	106756665	Cục thống kê	
65	Cây Gạo	Sở Khoa học và Công nghệ	120	40	Khoảng > 50	1	2184333	10675642	Sở Khoa học và Công nghệ	
66	Cây Dã Hương	Công an tỉnh Lạng Sơn	90	12	Khoảng > 50	1	21846507	106753353	Công an tỉnh Lạng Sơn	
67	Cây Dã Hương	Công an tỉnh Lạng Sơn	100	12	Khoảng > 50	1	21846395	106,753336	Công an tỉnh Lạng Sơn	
68	Cây Dã Hương	Báo và Đài PTTH	130	30	Khoảng > 50	1	21846322	10675549	Báo và Đài PTTH	
69	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	21845577	106757915	UBND tỉnh Lạng Sơn	
70	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	21845838	106757796	UBND tỉnh Lạng Sơn	
71	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	2184589	106758199	UBND tỉnh Lạng Sơn	
72	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	21845913	106758214	UBND tỉnh Lạng Sơn	

73	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	2184565	106757514	UBND tỉnh Lạng Sơn	
74	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	21845495	106757288	UBND tỉnh Lạng Sơn	
75	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	21845988	106757666	UBND tỉnh Lạng Sơn	
76	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	21845624	106757819	UBND tỉnh Lạng Sơn	
77	Cây Sưa	UBND tỉnh Lạng Sơn	Khoảng 20 - 82	Khoảng 15-25	Khoảng 10-80	1	21846992	106757588	UBND tỉnh Lạng Sơn	
78	Cây Sưa	Sở Nội vụ	120	20	> 50	1	21846236	10675727	Sở Nội vụ	
52		**PHƯỜNG KỲ LỪA**				**36**				
1	Cây Dã hương	Đường Lê Lai, Khối 1	90 -110	15 - 18	> 100	3	2417970	448840	Xã quản lý	
2	Cây Dã hương	Lương Văn Tri, Khối 1	90 -110	15 - 18	> 100	2	2417990	448891	Xã quản lý	
3	Cây Đa	Đường Bắc Sơn, Khối 1	90 - 100	15 - 20	> 100	1	2418201	449043	Đền Tả Phủ quản lý	
4	Cây Si	Đường Bắc Sơn, Khối 1	80 - 100	18 - 20	> 100	1	2418592	449073	Đền Tả Phủ quản lý	
5	Cây Đa	Lương Văn Tri, Khối 3	90 - 100	15 - 20	> 100	1	2417989	449216	Đền mới quản lý	
6	Cây Đa	Trần Khánh Dư, Khối 3	90 - 100	15 - 20	> 100	1	2418012	449213	Khối quản lý	
7	Cây Đa	Đường Bắc Sơn, Khối 6	100 - 120	15 - 20	> 100	1	2418419	449114	Khối quản lý	
8	Cây Si	Đường Bắc Sơn, Khối 6	90 - 100	15 - 20	> 80	1	2418860	448896	Khối quản lý	
9	Cây Sau Sau	Đường Vi Đức Thắng, Khối 14	60 - 80	18 - 20	> 50	2	2149314	448855	Khối quản lý	
10	Cây Đa	Đường Vi Đức Thắng, Khối 14	100 - 120	18 - 20	> 50	1	2419328	448852	Khối quản lý	
11	Cây Vối rừng	Đường Vi Đức Thắng, Khối 14	60 - 80	18 - 20	> 50	1	2419294	448865	Khối quản lý	
12	Cây Si	Đường Vi Đức Thắng, Khối 14	90 - 120	18 - 20	> 50	1	2149301	448877	Khối quản lý	
13	Cây Sung	Khối 10	70 - 80	15 - 18	> 150	1	2419111	4496713	Khối quản lý	
14	Cây Sung	Khối 10	90 - 100	15 - 18	> 180	1	2419106	449665	Khối quản lý	
15	Cây Mác Lèng	Khối 10	60 - 65	17 - 20	> 150	1	2419116	449681	Khối quản lý	
16	Cây Mác Lèng	Khối 10	70 - 80	18 - 20	> 150	1	2419103	449672	Khối quản lý	
17	Cây Sau Sau	Khối 9	90 - 100	18 - 22	> 50	1	2419963	449651	Khối quản lý	
18	Cây Đa	Khối 18	80 - 90	16 - 18	> 100	1	2419883	450120	Khối quản lý	
19	Cây Si	Đường Mỹ Sơn,Khối 20	90 - 100	18 - 20	> 100	1	2418472	450410	Khối quản lý	
20	Cây Đa	Khối Tằm Nguyên	120 - 150	15 - 18	> 300	1	456667	2412913	Khối quản lý	
21	Cây Đa	Khối An Rinh	150 - 160	14 - 16	> 200	1	456087	2413374	Khối quản lý	
22	Cây Si	Khối An Rinh	160 - 180	12-14	> 200	1	456109	2413359	Khối quản lý	
23	Cây Đa	Khối Tân Liên	160 - 180	18 - 20	> 300	1	453299	2415307	Khối quản lý	
24	Cây Đa	Khối Tân Liên	100 - 120	14 - 16	> 100	1	453378	2415480	Khối quản lý	
25	Cây Đa tía	Khối Bắc Nga	110 - 120	20 - 25	> 350	1	457755	2413189	BQL Chùa Bắc Nga quản lý	
26	Cây Đa tía	Khối Bắc Nga	270 - 290	20 - 25	> 500	1	457811	2413147	BQL Chùa Bắc Nga quản lý	

27	Cây Đại	Khối Bắc Nga	75 - 80	7 - 8	> 700	1	457811	2413147	BQL Chùa Bắc Nga quản lý	
28	Cây Đại	Khối Bắc Nga	80 - 85	7 - 8	>700	1	457800	2413164	BQL Chùa Bắc Nga quản lý	
29	Cây Nhãn	Khối Bắc Nga	55 - 60	15-20	> 150	1	457799	2413142	BQL Chùa Bắc Nga quản lý	
30	Cây Nhãn	Khối Bắc Nga	60 - 70	15-20	> 150	1	457799	2413140	BQL Chùa Bắc Nga quản lý	
31	Cây Đa	Khối 8	190 - 210	12-15	> 100	1	448935	2420186	Khối quản lý	
32	Cây Mác Kem	Khối 8	75 - 80	12-15	> 100	1	448930	2420184	Khối quản lý	
53		**PHƯỜNG ĐÔNG KINH**				**24**				
1	Cây Dã Hương	Ngã 4 Đường Lê Đại Hành - đường Ngô Quyền	90	15m	> 70	1	21853227	1067686222	UBND phường Đông Kinh quản lý	
2	Cây Dã Hương	Trụ sở UBND phường Đông Kinh (số 2 đường Lê Lợi)	95	12m	>70	1	21852924	106761236	UBND phường Đông Kinh quản lý	
3	Cây Sữa	Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Lạng Sơn	80	15m	>50	1	21852692	106759919	UBND phường Đông Kinh quản lý	
4	Cây Dã Hương	Miếu thổ công Pò Mỏ	60-80	15m	> 50	2	21843618	106773006	Cộng đồng dân cư quản lý	
5	Cây Đa	Miếu thổ công Khòn Phổ	70	10m	> 50	1	21826885	106769805	Cộng đồng dân cư quản lý	
6	Cây Xà Cừ	Trường THPT Dân tộc Nội trú tỉnh	50-55	15m	>20	4	21845396	106772849	Chủ sở hữu quản lý	
7	Cây Lát Mexico	Trường THPT Việt Bắc	70	20m	>20	2	21849965	106764644	Chủ sở hữu quản lý	
8	Cây Xà cừ	Trường THPT Việt Bắc	50	12m	>20	1	21849965	106764644	Chủ sở hữu quản lý	
9	Cây Đa	Trường THCS Vĩnh Trại	90	10	>25	1	21851703	106765419	Chủ sở hữu quản lý	
10	Cây Bồ Đề	Trường Tiểu học Đông Kinh	60-65	12	>20	2	21848398	106764975	Chủ sở hữu quản lý	
11	Cây Lan	Trường Tiểu học Đông Kinh	52	12	>20	1	21848398	106764975	Chủ sở hữu quản lý	
12	Cây Xoài	Trường Tiểu học Đông Kinh	52	14	>20	1	21848398	106764975	Chủ sở hữu quản lý	
13	Cây Dã hương	Đương Phai Vệ	120	10	>90	1	21850890	106762514	UBND phường Đông Kinh quản lý	
14	Cây Bạch đàn	Đường Phai Vệ	60	14	>50	2	21850639	106762819	UBND phường Đông Kinh quản lý	
15	Cây Đa	Đường Ngô Quyền	55	10	>25	1	21854159	106765840	UBND phường Đông Kinh quản lý	
16	Cây Bồ đề	Đường Ngô Quyền	55	12	>25	1	21853957	106765811	UBND phường Đông Kinh quản lý	
17	Cây Lát Hoa	Đường Phai Vệ	50	12	>20	1	21849549	106765357	UBND phường Đông Kinh quản lý	
54		**XÃ MẪU SƠN**				**7**				
1	Cây Dã hương	Thôn Bản Khoai	100	20	50	2	21791688	106979670	Thôn quản lý	
2	Cây đa	Thôn Long Đầu	150	20	100	2	21795707	106998959	Thôn quản lý	
3	Cây đa	Thôn Chi Ma	150	20	100	1	21815044	107023496	Thôn quản lý	

4	Cây đa	Thôn Bản Luồng	150	20	100	1	21762775	107025837	Thôn quản lý	
5	Cây đa	Thôn Bản Giếng	150	40	70	1	21791824	107044879	Thôn quản lý	